

## ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC SÁNG TẠO CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ TRONG DẠY HỌC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VĂN HỌC

Nguyễn Thị Thanh Nga - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

*Ngày nhận bài: 25/6/2019; ngày chỉnh sửa: 29/7/2019; ngày duyệt đăng: 25/8/2019.*

**Abstract:** Assessing learners' competencies is considered the first factor and important which dominates the other elements of the teaching process. On the basis of discussing competency assessment, assessment forms and tools, in the article, we focus on assessing the creative competency of secondary school students in teaching reading comprehension of Literary text. Accordingly, in order to assess students' creative competency in reading comprehension of Literary text, it is necessary to establish creative competency structures with measurable elements and indicators. Based on the structure of creative competence proposed, we have built a number of tools to assess the creative competence of secondary school students in teaching reading comprehension of Literary text, which helps teachers implement at schools and gathering evidence of the level of creativity of students in reading literary texts. On that basis, there are necessary adjustments in teaching and learning.

**Keywords:** Competence assessment, assessment of creative competence, reading comprehension of Literary text.

### 1. Mở đầu

Dạy học theo hướng *phát triển năng lực* (Competency based education) được đề cập từ những năm 70 của thế kỉ XX, ở Mĩ. Theo đó, dạy học hướng tới việc học sinh (HS) làm được gì, vận dụng được điều gì sau khi kết thúc chương trình học, tập trung vào phát triển các năng lực (NL) cần thiết để HS có thể thành công trong cuộc sống cũng như trong công việc. Dạy học theo hướng *phát triển năng lực* (PTNL) trở thành xu thế dạy học của nhiều nước trên thế giới hiện nay. Dạy học định hướng NL thể hiện rõ ở sự thay đổi nội hàm các thành tố của quá trình dạy học, trong đó có kiểm tra, đánh giá. Việc đánh giá không chỉ tập trung vào khả năng tái hiện tri thức mà còn chú trọng đến khả năng làm, khả năng vận dụng cũng như các hoạt động thực tiễn của người học. Đánh giá năng lực (ĐGNL) không phải hoàn toàn khác biệt mà có sự kế thừa và phát triển so với đánh giá truyền thống.

Bài viết này phân tích những đặc điểm của ĐGNL và đi sâu vào đánh giá năng lực sáng tạo (NLST) của HS trung học cơ sở (THCS) trong đọc hiểu văn bản văn học (VBVH).

### 2. Nội dung nghiên cứu

#### 2.1. Đánh giá năng lực học sinh

Có nhiều quan niệm về ĐGNL. Một trong những định nghĩa được nhiều học giả công nhận hiện nay (trong *Hướng dẫn phát triển tài liệu tập huấn ĐGNL của Khối cộng đồng chung Anh*), là “Đo lường NL không chỉ là việc đo lường khả năng thực hiện nhiệm vụ hoặc hành động học tập. Nó bao hàm việc đo lường khả năng tiềm ẩn của HS và đo lường việc sử dụng những kiến thức, kĩ

năng và thái độ cần có để thực hiện nhiệm vụ đó tới một chuẩn nào đó” [dẫn theo 1; tr 10]. Wolf (2001) khi định nghĩa ĐGNL thì cho rằng đó là một hình thức ĐG dựa trên việc miêu tả các sản phẩm đầu ra vừa khái quát vừa cụ thể của quá trình học tập rõ ràng tới mức có thể làm cho giáo viên (GV), HS và các bên liên quan đều có thể hình dung tương đối khách quan và chính xác về thành quả của HS sau quá trình học tập [2].

Từ những nghiên cứu về ĐGNL, tác giả Dương Thu Mai cho rằng: “ĐGNL là quá trình tìm kiếm minh chứng về việc HS đã thực hiện các sản phẩm đầu ra tới mức độ thành công như thế nào, thông qua những hành động cụ thể của HS trong một số nhiệm vụ học tập tiêu biểu. Dựa trên chuẩn và tiêu chí, ĐGNL cũng cho phép nhìn ra tiến bộ của HS dựa trên việc thực hiện đạt/không đạt các sản phẩm đầu ra trong các giai đoạn khác nhau” [1; tr 11].

Cũng cùng quan điểm trên, trong chuyên khảo *“Phương pháp, kĩ thuật xây dựng chuẩn đánh giá NL đọc hiểu và NL giải quyết vấn đề”*, các tác giả đã sử dụng quan niệm ĐGNL như sau: “Đánh giá NL người học là quá trình thu thập, phân tích, xử lí và giải thích chứng cứ về sự phát triển NL của người học; xác định nguyên nhân, đưa ra những biện pháp cải thiện việc dạy và việc học dựa theo chuẩn thực hiện” [3; tr 35]. Các tác giả cũng cho rằng ĐGNL là một hình thức đặc biệt của đánh giá HS và nêu lên 3 đặc điểm cần nhấn mạnh của ĐGNL:

- Chứng cứ cần thu thập phải chứng minh được rằng người học có thể thực hiện theo các tiêu chuẩn cụ thể;
- Cách thức đánh giá xuất phát từ các đặc điểm kĩ thuật của tập hợp kết quả đầu ra nêu trong chuẩn NL;

- Kết quả đánh giá phải giúp người đánh giá ra các quyết định về việc HS đạt tới mức độ nào của NL cần đánh giá và lập kế hoạch can thiệp sự phạm để đảm bảo người học có thể cải thiện NL bản thân.

Từ những quan niệm trên, có thể khẳng định, NL người học có thể đo lường được thông qua các công cụ đánh giá và dựa trên chuẩn cụ thể. Việc đo lường NL người học không đi ngược lại với đánh giá truyền thống nhưng là sự phát triển và bổ sung những yếu tố chưa có trong đánh giá truyền thống. Chúng tôi cho rằng, *ĐGNL người học là thu thập minh chứng về sự phát triển NL của người học dựa trên việc HS huy động kiến thức, kĩ năng, thái độ... để thực hiện những nhiệm vụ nhất định. Trên cơ sở minh chứng đó, xác định mức độ đạt được của HS trên đường phát triển NL đã được xác định, từ đó có những can thiệp cần thiết để thúc đẩy sự tiến bộ học tập của người học.*

Trên cơ sở quan niệm về ĐGNL như trên, chúng tôi cho rằng: ĐGNL sáng tạo là *thu thập minh chứng về sự phát triển NLST của người học. Trên cơ sở minh chứng đó, xác định mức độ đạt được của HS trên đường phát triển NLST đã được xây dựng, từ đó có những can thiệp cần thiết để thúc đẩy sự phát triển NLST của người học.*

## 2.2. Một số hình thức và công cụ đánh giá năng lực

### 2.2.1. Các hình thức đánh giá

ĐGNL nói chung, ĐG NLST nói riêng gồm 2 hình thức đánh giá cơ bản: ĐG thường xuyên và ĐG định kì.

Đánh giá thường xuyên (hay còn gọi là đánh giá quá trình) là “hoạt động đánh giá diễn ra trong tiến trình thực hiện hoạt động giảng dạy môn học, cung cấp thông tin phản hồi cho GV và HS nhằm mục tiêu cải thiện hoạt động giảng dạy, học tập” [4; tr 1]. Đánh giá thường xuyên được xem là đánh giá vì quá trình học tập hoặc vì sự tiến bộ của người học. Kết quả của đánh giá thường xuyên được sử dụng gắn với hoạt động giảng dạy trên lớp để cải thiện, nâng cao hiệu quả của hoạt động này.

Đánh giá định kì được thực hiện trước khi bắt đầu quá trình dạy học (đánh giá chẩn đoán đầu năm/đánh giá xếp lớp) hoặc sau khi kết thúc quá trình dạy học môn học (đánh giá tổng kết). Đánh giá được thực hiện ở giai đoạn đầu của quá trình dạy học nhằm mục đích tìm hiểu điểm mạnh và điểm yếu của HS. Kết quả đánh giá chẩn đoán là tài liệu quan trọng trong việc giảng dạy của GV để có những định hướng, sự can thiệp đúng đắn. Đánh giá tổng kết sau khi kết thúc một quá trình học nhằm đưa ra kết quả về NL của HS, xem HS đã đạt mức độ nào của NL sau một quá trình đào tạo.

Giáo dục truyền thống chủ yếu sử dụng hình thức đánh giá định kì với mục đích xem xét khả năng thực hiện nhiệm vụ của HS, kết quả học tập của HS trong sự

so sánh với các HS khác. Giáo dục theo hướng PTNL chú trọng đánh giá thường xuyên, thu thập bằng chứng về sự tiến bộ của chính bản thân người học so với các tiêu chí NL đặt ra nhằm giúp đỡ, can thiệp kịp thời hướng tới sự tiến bộ, sự phát triển NL nói chung, NLST của HS nói riêng trên đường PTNL.

### 2.2.2. Các phương pháp đánh giá

ĐGNL sử dụng nhiều phương pháp đánh giá đa dạng khác với ĐG truyền thống. Theo Hoàng Tô Mai [1; tr 13], có thể phân loại các phương pháp ĐGNL thành hai nhóm: phương pháp truyền thống và những lựa chọn mới. Phương pháp truyền thống là bài kiểm tra bao gồm có kiểm tra trắc nghiệm khách quan và tự luận được cụ thể hóa thành các câu hỏi lựa chọn hoặc câu hỏi mở, được thực hiện ở dạng viết hoặc nói, hoặc thực hành do GV phát triển hoặc là bài kiểm tra chuẩn hóa. Các phương pháp đánh giá mới, trước đây ít được chú trọng gồm quan sát, phỏng vấn sâu, hội thảo, nhật kí người học, đánh giá thực hành, tự đánh giá và đánh giá đồng cấp. Những phương pháp này ngày càng được sử dụng nhiều hơn trong dạy học. Ngoài ra, còn có đánh giá bằng tập hợp bài tập (portfolio assessment) - một phương pháp tiêu biểu trong đánh giá hiện đại. Các thành phần quan trọng nhất của một portfolio là: các sản phẩm học tập trên lớp tiêu biểu nhất, được lựa chọn bởi chính HS dựa theo mục tiêu của môn học về các NL cụ thể cần đạt và một bài viết suy ngẫm về quá trình thực hiện bài tập, hướng tới các mục tiêu và quá trình lựa chọn các sản phẩm tiêu biểu. Ưu điểm của đánh giá này là HS phải thể hiện được NL và GV có thể theo dõi được mức độ NL của HS thay vì chỉ một bài kiểm tra duy nhất.

Bên cạnh những ưu điểm như mang lại bằng chứng tin cậy về mức độ PTNL của HS, có thể đưa ra những tác động kịp thời vì sự tiến bộ của người học thì những phương pháp đánh giá mới nói trên cũng có những hạn chế nhất định, đó là: những phương pháp này đem lại lượng thông tin rất lớn trong khi lớp học nhiều HS, thời gian của GV có hạn; việc xây dựng tiêu chí đánh giá cần đủ rõ ràng và tin cậy nếu không kết quả sẽ thiếu sự thuyết phục.

### 2.2.3. Công cụ đánh giá

Trong đánh giá định kì, GV thường sử dụng các công cụ có tính chuẩn hóa (các bài kiểm tra định kì được thiết kế theo quy trình, có sự tham gia thẩm định của hội đồng hoặc tổ chuyên môn, đáp ứng các đặc tính đo lường như độ khó, độ tin cậy...). Với đánh giá thường xuyên, GV thường sử dụng các công cụ chủ yếu do GV tự thiết kế. Các công cụ đánh giá thường là phiếu quan sát, bảng kiểm, phiếu hỏi, hồ sơ học tập, các loại câu hỏi vấn đáp. Bên cạnh các bài kiểm tra, đây cũng chính là những công cụ được sử dụng trong đánh giá NLST của HS.

### 2.3. Đánh giá năng lực sáng tạo của học sinh trung học cơ sở trong đọc hiểu văn bản văn học

#### 2.3.1. Một số lưu ý khi đánh giá năng lực sáng tạo của học sinh trong đọc hiểu văn bản văn học

- Kết hợp đánh giá định kì và đánh giá quá trình song chú ý hơn đến đánh giá quá trình nhằm thu thập được các bằng chứng về mức độ phát triển NLST của người học trong dạy học đọc hiểu VB VH để có sự tác động phù hợp.

- Phối hợp các phương pháp đánh giá truyền thống và một số phương pháp mới một cách linh hoạt nhằm đạt được sự đánh giá hiệu quả nhất về mức độ NLST của người học.

- Để thiết kế các công cụ đánh giá NLST của HS THCS trong đọc hiểu VB VH, cần dựa trên các thành tố về NLST của HS THCS trong đọc hiểu VB VH, các tiêu chí, chỉ số hành vi cụ thể của NLST trong đọc hiểu VB VH.

- Khuyến khích đánh giá những biểu hiện của NLST dù là nhỏ nhất.

#### 2.3.2. Cấu trúc năng lực sáng tạo của học sinh trung học cơ sở trong đọc hiểu văn bản văn học

Chúng tôi quan niệm: *NLST của HS trong đọc hiểu VB VH là việc làm ra cái mới, có ý nghĩa từ văn bản đối với bản thân (giá trị mới) và xã hội. Cái mới đó là sự phát hiện và lí giải các yếu tố mới của văn bản; đưa ra ý tưởng và cách nhìn mới về văn bản; xác lập được giá trị mới và vận dụng vào giải quyết những vấn đề đời sống và xã hội; sáng tạo ra sản phẩm mới trên cơ sở gợi ý của văn bản.*

Trên cơ sở quan niệm đó và những nghiên cứu về đọc hiểu, cấu trúc NL đọc hiểu, biểu hiện NLST của HS THCS trong môn Ngữ văn, chúng tôi đã đề xuất bảng mô tả cấu trúc NLST của HS trong đọc hiểu VB VH.

*Bảng. Cấu trúc NLST của HS trong đọc hiểu VB VH*

NLST của HS trong đọc hiểu VB VH		
Thành tố	Chỉ số	Biểu hiện
1. Hình dung lại thể giới nghệ thuật của tác phẩm theo cảm nhận của cá nhân	1.1. Nhận biết được thông tin từ văn bản	- Nhận biết được các yếu tố nội dung, nghệ thuật của VB VH - Nhận biết được các thông tin về tác giả, bối cảnh sáng tác của văn bản
	1.2. Dựng lại được thể giới nghệ thuật trong VB VH	- Dựng lại được thể giới nghệ thuật trong văn bản bằng ngôn ngữ của cá nhân - Tái hiện lại được một phần hoặc toàn bộ thể giới nghệ thuật trong văn bản bằng các hình thức khác (vẽ, viết, kịch...)
	1.3. Có cách diễn đạt thể giới nghệ thuật mới mẻ theo ngôn ngữ, cách nhìn của cá nhân	- Sử dụng những ngôn ngữ riêng (từ ngữ, cách diễn đạt) của bản thân để kể lại được văn bản. - Tái tạo lại thể giới nghệ thuật trên cơ sở rút gọn, tóm tắt một số chi tiết trong văn bản - Tưởng tượng thêm một số chi tiết mới trên cơ sở cốt lõi của văn bản
2. Phát hiện và lí giải theo cách riêng của mình về các yếu tố của văn bản (Nội dung và Nghệ thuật)	2.1. Phát hiện vấn đề mới lạ trong văn bản, tự đặt câu hỏi về các vấn đề đó	- HS nhận ra cái mới trong nghệ thuật thể hiện (chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ...) - HS phát hiện ra sự độc đáo trong cách nhìn, ý tưởng, quan niệm của tác giả thể hiện trong văn bản - HS tự đặt ra các câu hỏi thể hiện bản khoăn, suy nghĩ của cá nhân về vấn đề
	2.2. Xem xét vấn đề của tác phẩm dưới nhiều chiều, nhiều góc nhìn	- Đưa ra các kiến giải khác nhau về vấn đề đặt ra trong văn bản - Có sự so sánh, đối chiếu khi nhìn nhận một vấn đề
	2.3. Nêu quan điểm riêng, cách nhìn riêng của cá nhân về các yếu tố trong văn bản	- Mạnh dạn đưa ra quan điểm riêng của cá nhân - Không e ngại khi đưa ra những quan điểm trái chiều, khác biệt - Chấp nhận những phản hồi khác nhau về quan điểm của cá nhân mình
3. Phát hiện giá trị văn bản theo quan	3.1. Xác định được các thông tin có giá trị từ văn bản	- Xác định được các thông tin cốt lõi về nội dung văn bản - Xác định được các yếu tố nghệ thuật quan trọng của văn bản
	3.2. Phân tích, kết nối được các thông tin theo cách nhìn riêng	- Phân tích các thông tin - So sánh, đối chiếu các thông tin

điểm cá nhân		- Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản theo quan điểm cá nhân
	3.3. Đánh giá, phân tích, khẳng định giá trị của văn bản về nội dung và nghệ thuật theo quan điểm cá nhân và so sánh văn bản này với văn bản khác để thể hiện phát hiện sâu về nội dung và nghệ thuật của văn bản	- Đánh giá giá trị của văn bản về nội dung theo quan điểm cá nhân - Đánh giá giá trị nghệ thuật của văn bản theo cách nhìn riêng của cá nhân - So sánh giữa văn bản này và văn bản khác thể hiện phát hiện sâu về nội dung và nghệ thuật - Rút ra bài học, giá trị riêng cho bản thân từ văn bản
4. Vận dụng sáng tạo giá trị của VB VH vào đời sống cá nhân	4.1. Vận dụng sáng tạo giá trị của văn bản vào giải quyết các nhiệm vụ học tập	- Liên hệ, so sánh, đánh giá văn bản với các văn bản khác cùng đề tài, chủ đề - Giải quyết được theo cách riêng của cá nhân các vấn đề liên quan đến văn bản trong các nhiệm vụ học tập
	4.2. Vận dụng sáng tạo các giá trị của văn bản vào giải quyết các vấn đề đời sống (ứng xử, hành động, quan điểm sống, nhân cách...)	- Vận dụng những giá trị của văn bản để có thái độ, cách ứng xử đúng đắn, phù hợp trong hành động thực tiễn - Vận dụng giá trị của văn bản trong việc làm thay đổi suy nghĩ, hành vi, hình thành giá trị sống của bản thân
5. Có ý tưởng sáng tạo sản phẩm mới	5.1. Ý tưởng chuyển thể VB VH sang các loại hình khác (thơ, kịch, truyện...)	- Chuyển thể VB VH sang loại hình khác (thơ, truyện...) - Sân khấu hóa tác phẩm văn học - Các hình thức nghệ thuật khác
	5.2. Ý tưởng sáng tạo sản phẩm mới trên cơ sở cảm hứng từ văn bản (sáng tác thơ, truyện, kịch, phim, hội họa...)	- Ý tưởng sáng tác tác phẩm văn học mới lấy cảm hứng, chủ đề từ văn bản - Ý tưởng sáng tạo các sản phẩm nghệ thuật khác trên cơ sở cảm hứng từ văn bản (vẽ tranh, thiết kế thời trang, điêu khắc, sáng tác âm nhạc, làm phim...)

2.3.3. Một số công cụ đánh giá năng lực sáng tạo của học sinh trung học cơ sở trong đọc hiểu văn bản văn học

cụ đánh giá NLST của HS THCS trong đọc hiểu VB VH như sau:

Trên cơ sở các thành tố và các chỉ số của NLST đã đề xuất trong bảng trên, chúng tôi đã thiết kế một số công

1/ Bảng kiểm

**BẢNG KIỂM QUAN SÁT CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ NLST CỦA HS THCS TRONG DẠY HỌC ĐỌC HIỂU VB VH**

Trường THCS:

Ngày.....tháng.....năm.....

Đối tượng quan sát: Lớp ...

Tên bài học:

Tên GV:

STT	Tiêu chí thể hiện NLST của HS	ĐG mức độ phát triển NLST/Điểm đạt được				Nhận xét
		Rất tốt	Tốt	Đạt	Chưa đạt	
1	Tái tạo lại thể giới nghệ thuật của tác phẩm theo cảm nhận của cá nhân					
1.1	Nhận biết được thông tin từ văn bản					
1.2	Tái tạo lại được thể giới nghệ thuật trong VB VH					
1.3	Có cách diễn đạt thể giới nghệ thuật mới mẻ theo ngôn ngữ, cách nhìn của cá nhân					

2	<i>Phát hiện và lí giải theo cách riêng của mình về các yếu tố nội dung và nghệ thuật của văn bản</i>				
2.1	Phát hiện vấn đề mới lạ trong văn bản, tự đặt câu hỏi về các vấn đề đó				
2.2	Xem xét vấn đề của tác phẩm dưới nhiều chiều, nhiều góc nhìn				
2.3	Nêu quan điểm riêng, cách nhìn riêng của cá nhân về các yếu tố trong văn bản				
3	<i>Phát hiện giá trị của văn bản theo quan điểm cá nhân</i>				
3.1	Xác định được các thông tin có giá trị từ văn bản				
3.2	Phân tích, kết nối được các thông tin theo cách nhìn riêng				
3.3	Đánh giá, phân tích, khẳng định giá trị của văn bản về nội dung và nghệ thuật theo quan điểm cá nhân và so sánh văn bản này với văn bản khác để thể hiện phát hiện sâu về nội dung và nghệ thuật của văn bản				
4	<i>Vận dụng sáng tạo giá trị của VB VH vào đời sống</i>				
4.1	Vận dụng sáng tạo giá trị của văn bản vào giải quyết các nhiệm vụ học tập				
4.2	Vận dụng sáng tạo các giá trị của văn bản vào giải quyết các vấn đề đời sống (ứng xử, hành động, quan điểm sống, nhân cách...)				
5	<i>Sáng tạo sản phẩm mới</i>				
5.1	Chuyển thể VB VH sang các loại hình khác (thơ, kịch, truyện...)				
5.2	Sáng tạo sản phẩm mới trên cơ sở cảm hứng từ văn bản (sáng tác thơ, truyện, kịch, phim, hội họa...)				

## 2/ Đề kiểm tra theo hướng phát triển NLST

- Một số lưu ý khi xây dựng đề kiểm tra.

+ Đề kiểm tra cần được xây dựng dựa trên các tiêu chí, chỉ số của NLST trong đọc hiểu VB VH;

+ Các câu hỏi hướng tới việc thể hiện một mức nào đó trong các biểu hiện của NLST trong đọc hiểu VB VH;

+ Đưa ra các nhiệm vụ sáng tạo cụ thể yêu cầu HS thực hiện, chẳng hạn như chuyển thể tác phẩm hoặc sáng tạo trên cơ sở tác phẩm đã học;

+ Đề kiểm tra nên là đề mở, yêu cầu HS phân tích, suy luận và đưa ra quan điểm riêng của mình;

+ Ngữ liệu trong đề kiểm tra nên là ngữ liệu mới, không có trong sách giáo khoa. Kiểu đề bài như vậy yêu cầu HS phải tư duy, sáng tạo, vận dụng các kiến thức kĩ năng đã học thay vì phải học thuộc, nhắc lại những điều đã biết. Có như vậy, đề mới đảm bảo đo được NLST của người học.

- Ví dụ về đề kiểm tra theo hướng phát triển NLST của HS lớp 9 trong đọc hiểu VB VH:

### ĐỀ BÀI

1/ Mục đích kiểm tra: Kiểm tra mức độ phát triển NLST của HS lớp 9 trong đọc hiểu VB VH

2/ Thời gian: 90 phút

3/ Ma trận đề:

### MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Thành tố của NLST	Chỉ số hành vi	Câu số	Công cụ
1. Tái tạo lại thế giới nghệ thuật của tác phẩm theo cảm nhận của cá nhân	1.1. Nhận biết được thông tin từ văn bản	1	Bài KT (CH TNKQ, CHTL)
2. Phát hiện và lí giải theo cách riêng của mình về các yếu tố của	2.1. Phát hiện vấn đề mới lạ trong văn bản, tự đặt câu hỏi về các vấn đề đó	3	

văn bản (Nội dung và Nghệ thuật)	2.3. Nêu quan điểm riêng, cách nhìn riêng của cá nhân về các yếu tố trong văn bản	2	
3. Phát hiện giá trị từ văn bản theo quan điểm cá nhân	3.3. Đánh giá, phân tích, khẳng định giá trị của tác phẩm về nội dung và nghệ thuật theo quan điểm cá nhân và so sánh văn bản này với văn bản khác để thể hiện phát hiện sâu về nội dung và nghệ thuật của văn bản	4, 5	
4. Vận dụng sáng tạo giá trị của VB VH vào đời sống	4.2. Vận dụng sáng tạo các giá trị của văn bản vào giải quyết các vấn đề đời sống (ứng xử, hành động, quan điểm sống, nhân cách...)	6	
5. Sáng tạo sản phẩm mới	5.2. Sáng tạo sản phẩm mới trên cơ sở cảm hứng từ văn bản (sáng tác thơ, truyện, kịch, phim, hội họa...)	7	

### 3/ Đề kiểm tra:

Đọc bài thơ dưới đây và trả lời câu hỏi:

#### MẸ VÀ QUẢ

*Những mùa quả mẹ tôi hái được  
Mẹ vẫn trồng vào tay mẹ vun trồng  
Những mùa quả lặn rồi lại mọc  
Như mặt trời, khi như mặt trăng.*

*Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên  
Còn những bí và bầu thì lớn xuống  
Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn  
Rỏ xuống lòng thầm lặng mẹ tôi.*

*Và chúng tôi, một thứ quả trên đời  
Bảy mươi tuổi mẹ đợi chờ được hái  
Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi  
Mình vẫn còn một thứ quả non xanh?*

(Nguyễn Khoa Điềm)

1. Nêu nội dung chính của bài thơ?
2. Phân tích một hình ảnh thơ em thấy độc đáo và ấn tượng trong bài?
3. Nêu và chỉ ra hiệu quả của biện pháp tu từ ở hai câu thơ: “*Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi/ Mình vẫn còn một thứ quả non xanh?*”
4. Qua bài thơ, tác giả muốn nói với em những điều gì?
5. Hãy kể tên một tác phẩm em đã học hoặc đã đọc viết về mẹ? Nét riêng trong bài thơ *Mẹ và quả* so với tác phẩm đó là gì?
6. Mười năm nữa, em ước mình sẽ trở thành người như thế nào? Em nghĩ mình sẽ phải chuẩn bị những gì từ bây giờ để khi mẹ già mình không còn “non xanh” nữa?
7. Chọn một trong hai yêu cầu sau:
  - a. Từ bài thơ *Mẹ và quả*, em hãy vẽ một bức tranh theo suy nghĩ của em.
  - b. Em hãy viết một lá thư gửi đến mẹ của mình để nói với mẹ những điều muốn nói.

### 3. Kết luận

Trên đây là một số công cụ đánh giá giúp GV thực hiện đánh giá NLST của HS THCS trong dạy học đọc hiểu VB VH. Mục đích của đánh giá nhằm tìm ra minh chứng về mức độ NLST của HS trong đọc hiểu VB VH, xác định sự tiến bộ của HS trên lớp từ đó có sự điều chỉnh về nội dung và phương pháp dạy học, góp phần phát triển NLST của HS. Điều này có ý nghĩa thực sự quan trọng trong dạy học. Dựa trên kết quả đánh giá, mức độ phát triển hiện tại của người học, GV có sự can thiệp phù hợp tới từng cá thể người học.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2015). *Tài liệu hội thảo “Năng lực và đánh giá kết quả giáo dục theo năng lực trong chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015”*.
- [2] Wolf, A. (2001). *Competance - based assesment*, In J. Raven & J. Stephenson (Eds), *Competence in the learning society*. New York: Peter Lang.
- [3] Nguyễn Lộc - Nguyễn Thị Lan Phương (đồng chủ biên) - Đặng Xuân Cương - Trịnh Thị Anh Hoa - Nguyễn Thị Hồng Vân (2016). *Phương pháp, kỹ thuật xây dựng chuẩn đánh giá năng lực đọc hiểu và năng lực giải quyết vấn đề*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4] Bộ GD-ĐT (2017). *Tài liệu tập huấn nâng cao năng lực đánh giá thường xuyên các môn học/ hoạt động giáo dục* (Theo Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT).
- [5] Trần Thị Bích Liễu (2013). *Giáo dục phát triển năng lực sáng tạo*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [6] Nguyễn Thị Hồng Nam (2010). *Tiếp nhận văn chương và dạy đọc hiểu văn bản*. Tạp chí Giáo dục, số 250, tr 31-34.
- [7] Nguyễn Thị Hồng Nam (2017). *Giáo trình phương pháp dạy đọc văn bản*. NXB Đại học Cần Thơ.
- [8] Đức Uy (1999). *Tâm lý học sáng tạo*. NXB Giáo dục Việt Nam.